

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**LƯƠNG TÀI**

Số: 22../CV/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc  
-----&-----

V/v: Giải trình biến động kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 trước và sau kiểm toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài  
2. Mã chứng khoán : LUT  
3. Địa chỉ trụ sở chính : 173A Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, Q.Phú Nhuận, HCM.  
4. Điện thoại : 028. 38421028 Fax: 028. 38421029

Đơn vị giải trình về biến động kết quả kinh doanh năm 2018 trước và sau khi kiểm toán:

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu sau báo cáo kiểm toán năm 2018	Số liệu sau báo cáo năm 2018 lũy kế 4 quý (trước kiểm toán)	Chênh lệch kiểm toán so với tạm tính
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	423,665,155,435	423,794,576,200	129,420,765
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	18,587,513,265	18,587,513,265	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	405,077,642,170	405,207,062,935	129,420,765
4. Giá vốn hàng bán	11	366,710,975,975	366,181,699,577	(529,276,398)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	38,366,666,195	39,025,363,358	658,697,163
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	511,737,663	511,737,663	-
7. Chi phí tài chính	22	30,336,931,670	32,039,587,221	1,702,655,551
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	30,336,931,670	32,039,587,221	1,702,655,551
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7,747,442,900	6,034,216,851	(1,713,226,049)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30	794,029,288	1,463,296,949	669,267,661
12. Thu nhập khác	31	444,723,623	308,355,038	(136,368,585)
13. Chi phí khác	32	237,708,227	129,105,160	(108,603,067)
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40	207,015,396	179,249,878	(27,765,518)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	1,001,044,684	1,642,546,827	641,502,143
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	238,231,405	328,509,365	90,277,960
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	762,813,279	1,314,037,461	551,224,182

- Theo bảng kê trên, doanh thu thuần tạm tính đến cuối năm 2018 là 405,207,062,935 đồng. Tuy nhiên, theo báo cáo kiểm toán thì doanh thu thuần ghi nhận là 405,077,642,170 đồng. Chênh lệch giảm 129,420,765 đồng do kiểm toán điều chỉnh doanh thu sang thu nhập khác.

- Và giá vốn thi công tương ứng cho phần doanh thu chênh lệch trước và sau khi kiểm toán cũng thay đổi từ 366,181,699,577 đồng thành 366,710,975,975 đồng. Do đó làm tăng lãi gộp thêm 529,276,398 đồng.

- Chi phí tài chính sau kiểm toán giảm 1,702,655,551 đồng do kiểm toán điều chỉnh chi phí lãi vay theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp chênh lệch tăng 1,713,226,049 đồng là do trích lập dự phòng và do hóa đơn về không kịp.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm đi 90,277,960 đồng từ việc tạm tính là 328,509,365 đồng thành 238,231,405 đồng theo báo cáo kiểm toán là do khoản phải thu khó đòi phải trích qua chi phí dự phòng.

- Kết quả sau cùng lợi nhuận sau thuế kiểm toán ghi nhận giảm đi 551,224,172 đồng từ việc tạm tính là 1,314,037,461 đồng và sau kiểm toán là 762,813,279 đồng.

Trên đây là giải trình chi tiết về số liệu chênh lệch trước và sau khi kiểm toán của kỳ báo cáo tài chính năm 2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu HC.



*Bùi Đình Hưng*